

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty CP TMDV Tràng Thi**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.

Do pháp luật có sự điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều, khoản, điểm của Điều lệ theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.
2. Ủy quyền và giao Hội đồng quản trị quyết định hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ bao gồm cả việc bổ sung, làm rõ và chủ động sửa đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều/khoản/điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế giữa hai kỳ đại hội, và thực hiện báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan theo đúng quy định pháp luật.
3. Ủy quyền và giao Hội đồng quản trị rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ có liên quan khác của Công ty cho phù hợp với Điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Vinh Quang



PHỤ LỤC
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP TMDV TRÀNG THI
PHÙ HỢP VỚI LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 VÀ YÊU CẦU QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY TRONG THỰC TẾ
(Kèm theo Tờ trình số 53...../TTr-TT ngày 14.../8.../2021)

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung <i>(phần in đậm và in nghiêng)</i>	Căn cứ pháp lý	
1.	Căn cứ pháp lý		Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp		
2.	Điều 1 Khoản 2 Giải thích từ ngữ	2. <i>Vốn điều lệ</i> : là vốn góp của các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.	2. <i>Vốn điều lệ</i> : là tổng mệnh giá cổ phần đã bán của Công ty.	Khoản 34 Điều 4 LDN	
3.	Điều 1 Khoản 7 Giải thích từ ngữ	7. <i>Người quản lý của Công ty</i> : là Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT tại từng thời kỳ.	7. <i>Người quản lý của Công ty</i> : là Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, <i>Thành viên Ban Kiểm soát</i> và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT tại từng thời kỳ.		Ban Kiểm soát không phải là cá nhân
4.	Điều 1 Khoản 9 Giải thích từ ngữ	Những người có liên quan: là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.	Những người có liên quan: là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <i>Điều 4.23</i> của Luật Doanh nghiệp.		
5.	Điều 3 Khoản 2 Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân	Tư cách pháp nhân: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo <u>Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014</u> và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	Tư cách pháp nhân: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo <i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020</i> và các văn bản hiện hành		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			của Nhà nước.		
6.	Điều 4 Khoản 2 Ngành nghề kinh doanh		Bổ sung các mã ngành sau cho thống nhất với thông tin ghi nhận trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: - <i>Bốc xếp hàng hóa - Mã ngành 5224;</i> - <i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ - Mã ngành 5225;</i> - <i>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Mã ngành 4620;</i> - <i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Mã ngành 5229</i>		Bổ sung các mã ngành cho thống nhất với thông tin ghi nhận trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
7.	Điều 8 Khoản 2 Vốn điều lệ	2. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi là: <u>135.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).</u>	2. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi là: <i>540.000.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn).</i>		Theo Tờ trình 08 ngày 12/01/2021 đã được thông qua tại Nghị quyết 11 ngày 03/2/2021
8.	Điều 8 Khoản 3 Vốn điều lệ	3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi được chia thành <u>13.500.000 cổ phần</u> với mệnh giá là <u>10.000 VND/cổ phần.</u>	3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi được chia thành <i>54.000.000 cổ phần</i> với mệnh giá là <i>10.000 VND/cổ phần.</i>		Theo Tờ trình 08 ngày 12/01/2021 đã được thông qua tại Nghị quyết 11 ngày 03/2/2021
9.	Điều 10 Khoản 1 Điểm e Quyền của cổ đông phổ thông	e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <i>về tên và địa chỉ liên lạc</i> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <i>của mình;</i>	Điều 115 Khoản 1 Điểm đ LDN	
10.	Điều 10 Khoản 2 Quyền của Cổ	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ</u>	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần</i>	Điều 115 Khoản 2 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	đồng phổ thông	<p>thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:</p> <p>a) <u>Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p>	<p><i>phổ thông trở lên</i> có các quyền sau đây:</p> <p>a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, <i>quyết định</i> của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, <i>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</i></p> <p>b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>Giấy tờ pháp lý cá nhân</i> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <i>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</i> số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p>		
11.	Điều 10 Khoản 3	Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ	Điều 115 Khoản 4	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	Điểm b Quyền của Cổ đông phổ thông	phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc	đồng phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, <i>địa chỉ liên lạc</i> , quốc tịch, <i>số giấy tờ pháp lý</i> của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, <i>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông</i> là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc.	LDN	
12.	Điều 10, khoản 4 Điểm b Quyền của Cổ đông phổ thông	4. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản a Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản này</u> được quyền đề cử một hoặc một số người	Điều 115 Khoản 5 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		soát, cụ thể như sau:	theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:		
13.	Điều 11 Khoản 5 Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của Công ty.	Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của Công ty. <i>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i>	Điều 119 LDN	
14.	Điều 12 Cổ phiếu	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi phát hành có dấu của Công ty và chữ ký đại diện theo pháp luật của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;</p> <p>f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp</p>	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi phát hành <i>xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.</i> Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, <i>địa chỉ liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</i> đối với cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;</p> <p>e) <i>Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty;</i></p> <p>f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.</p>	Điều 121 Khoản 1 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		<p>luật và dấu của Công ty;</p> <p>h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.</p>			
15.	Điều 12 Khoản 3 Cổ phiếu	<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phiếu theo quy định của Công ty.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị <i>hủy hoại</i> dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phiếu theo quy định của Công ty.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</p> <p>a) <i>Thông tin cổ phiếu</i> đã bị mất, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định.</p> <p>b) <i>Cam kết</i> chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	Khoản 3 Điều 121 LDN	
16.	Điều 13 Khoản 2 Sổ đăng ký cổ đông	<p>2. Sổ “Đăng ký cổ đông” được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.</p>	<p>2. Sổ “Đăng ký cổ đông” <i>được lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</i> Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán hoặc <i>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</i> Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép <i>tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty</i> trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.</p>	Điều 122 Khoản 1 + Khoản 3 LDN và Luật Chứng khoán	
17.	Điều 13 Khoản 3	3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung	3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội	Điều 122 Khoản 2	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	Số đăng ký cổ đông	chủ yếu sau: d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.	dung chủ yếu sau: d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.	LDN	
18.	Điều 14 Khoản 6 Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	6. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây: a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (<i>ba</i>) số liên tiếp trong hạn 10 (<i>mười</i>) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo	6. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây: a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần . Thông báo phải được đăng báo trong 03 (<i>ba</i>) số liên tiếp trong hạn 10 (<i>mười</i>) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức , địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện	Điều 124 LDN	

11/27/2015 10:10

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (phần in đậm và in nghiêng)	Căn cứ pháp lý	
		<p>phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;</p> <p>c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.</p>	<p>theo pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;</p> <p>c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.</p>		
19.	Điều 16 Khoản 3 Phát hành trái phiếu	3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.	<p>3. Quyết định phát hành trái phiếu</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</p>	Điều 130 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			<p><i>b) Trừ quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</i></p>		
20.	Điều 17 Mua cổ phần, trái phiếu	Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, <u>giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật</u> , các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).	Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, <i>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ</i> , công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).	Điều 131 LDN	
21.	Điều 18 Khoản 1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày</p>	<p>1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được</p>	Điều 132 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, <u>thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá.</u> Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, <i>thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá.</i> Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức <i>thẩm</i> định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.		
22.	Điều 19 Khoản 4 Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	<p>4. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi lời chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</u></p>	<p>4. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi lời chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, <i>địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức</i></p>	Điều 133 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.		
23.	Điều 20 Khoản 1 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.	1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định <i>tại các Điều 132 và Điều 133</i> của Luật Doanh nghiệp nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.		
24.	Điều 20 Khoản 2 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp.	2. Cổ phần được mua lại theo quy định <i>tại Điều 132 và Điều 133</i> của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định <i>tại khoản 4 Điều 112</i> của Luật Doanh nghiệp.		
25.	Điều 21 Khoản 2 Trả cổ tức	2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (<i>ba mươi</i>) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (<i>mười lăm</i>) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. <u>Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ</u>	2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (<i>ba mươi</i>) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký <i>trong sổ đăng ký cổ đông</i> chậm nhất 15 (<i>mười lăm</i>) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty và <i>địa chỉ trụ sở chính của Công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số</i>	Điều 135 Khoản 4 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		đồng là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	<i>doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i>		
26.	Điều 21 Khoản 4 Trả cổ tức	Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong vòng 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần <i>theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp.</i> Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong vòng 10 (<i>mười</i>) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.		
27.	Điều 22 Thu hồi tiền thanh toán mua lại cổ phần hoặc cổ tức	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận.	Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận.		
28.	Điều 23 Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi bao gồm: - Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị (HĐQT): Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. - <u>Giám đốc và các Phó Giám đốc.</u> - <u>Kế toán trưởng.</u> - <u>Ban Kiểm soát.</u>	Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi bao gồm: - Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị (HĐQT): Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. - <i>Ban điều hành: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.</i> - <i>Ban Kiểm soát: Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên.</i>		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
29.	Điều 24 Đại hội đồng cổ đông	ĐIỀU 24: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	ĐIỀU 24: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Bổ sung tên Đầu mục
30.	Điều 24 Khoản 2 Điểm g Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ công ty.	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.	Điều 138 Khoản 2 Điểm đ LDN	
31.	Điều 24 Khoản 2 Điểm i Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. <u>Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban kiểm soát</u>	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. Quyết định <i>ngân sách</i> hoặc tổng mức thù lao hàng năm, <i>thường và lợi ích khác</i> cho <i>Hội đồng quản trị</i> , Ban kiểm soát	Điều 138 Khoản 2 Điểm k LDN	
32.	Điều 25 Quyền cử đại diện theo ủy quyền của cổ đông	Cổ đông là cá nhân/tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau: a) <u>Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, chứng minh nhân dân/số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.</u> b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày	Cổ đông là cá nhân/tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau: a) <i>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp</i>		Sửa lại các thông tin trên thông báo về việc ủy quyền cho phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		<p>đăng ký cổ đông tại Công ty.</p> <p>c) Họ Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền.</u></p> <p>d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện.</p> <p>e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền.</p> <p>f) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</p>	<p><i>lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</i></p> <p>b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.</p> <p>c) Họ Tên, <i>địa chỉ liên lạc</i>, quốc tịch, <i>số giấy tờ pháp lý cá nhân</i> của người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện.</p> <p>e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền.</p> <p>f) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</p>		
33.	Điều 26 Khoản 1 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp <u>Đại hội đồng cổ đông do HĐQT quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi.</u>	Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp <u>Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	Khoản 1 Điều 139 LDN	
34.	Điều 26 Khoản 2 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, <u>cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn</u> , nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Điều 139 Khoản 2 LDN	
35.	Điều 26 Khoản 3 Điểm b Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại <u>ít hơn số lượng thành viên tối thiểu</u> theo quy định của</p>	Điều 140 Khoản 1 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>) pháp luật:	Căn cứ pháp lý	
36.	Điều 26 Khoản 6 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành đại hội.</u>	6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	LDN không quy định	Xóa nội dung “ <i>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành đại hội</i> ”
37.	Điều 27 Khoản 1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định của Điểm a Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 05 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định của Điểm a Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không quá 10 ngày</i> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 141 Khoản 1 LDN	
38.	Điều 27 Khoản 2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u>	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <i>địa chỉ liên lạc</i> , quốc tịch, <i>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ thường trú cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</i>	Điều 141 Khoản 2 LDN	
39.	Điều 27 Khoản 3 Danh sách cổ	3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự	3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép <i>tên và địa chỉ liên</i>	Điều 141 Khoản 3 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	đồng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.	<i>lạc của cổ đông trong</i> danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.		
40.	Điều 29 Khoản 1 Mời họp đại hội đồng cổ đông	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 10 (mười) ngày</u> làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.</p> <p>Thời điểm gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp được tính từ ngày bưu điện nhận chuyển giấy mời và xác nhận trong sổ công văn của người gửi (nếu gửi theo bưu điện), hoặc ngày cổ đông ký xác nhận đã nhận được giấy mời do người triệu tập họp gửi giấy mời trực tiếp cho cổ đông.</p> <p>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là <i>21 ngày (hai mươi một ngày)</i> trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được <i>địa chỉ liên lạc</i> của cổ đông.</p> <p>Thời điểm gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp được tính từ ngày bưu điện nhận chuyển giấy mời và xác nhận trong sổ công văn của người gửi (nếu gửi theo bưu điện), hoặc ngày cổ đông ký xác nhận đã nhận được giấy mời do người triệu tập họp gửi giấy mời trực tiếp cho cổ đông.</p> <p>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp</i>; tên, <i>địa chỉ liên lạc</i> của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời</p>	Điều 143 Khoản 1 + Khoản 2 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			gian và địa điểm họp <i>và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</i>		
41.	Điều 30 Khoản 1 Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông	Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền <u>theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp</u> thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền <i>theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp</i> thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.		
42.	Điều 30 Khoản 2 Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, được thực hiện các quyền của cổ đông. Trường hợp người được ủy quyền ứng cử với tư cách là cá nhân thì quyền ứng cử phải được ghi rõ trong nội dung giấy ủy quyền và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.</p> <p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của Công ty.</p>	Luật Doanh nghiệp 2020 không bắt buộc phải sử dụng mẫu văn bản ủy quyền của Công ty	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.			
43.	Điều 31 Khoản 1 Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <u>đại diện ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <i>đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</i>	Điều 145 Khoản 1 LDN	
44.	Điều 31 Khoản 2 Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (<i>ba mươi ngày</i>), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (<i>ba mươi ngày</i>), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	Điều 145 Khoản 2 LDN	
45.	Điều 31 Khoản 3 Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông	3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (<i>hai mươi</i>) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và <u>tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết</u> của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (<i>hai mươi</i>) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và <i>tỷ lệ số phiếu biểu quyết</i> của các cổ đông dự họp.	Điều 145 Khoản 3 LDN	
46.	Điều 31 Khoản 4 Điều kiện tiến hành họp đại	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp <i>theo quy</i>		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	hội đồng cổ đông	Điều 139 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.	định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp hiện hành		
47.	Điều 32 Khoản 2 Điểm a Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Điều 146 Khoản 2 Điểm a LDN	
48.	Điều 32 Khoản 4 Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	Điều 146 Khoản 4 LDN	
49.	Điều 32 Khoản 8 Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	8. <u>Người triệu tập họp</u> Đại hội đồng cổ đông có quyền:	8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:	Điều 146 Khoản 7 LDN	
50.	Điều 32 Khoản 10 Thể thức tiên	10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy	10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái	Điều 146 Khoản 9 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc <u>và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.</u>	với quy định tại <i>Khoản 9</i> Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; <i>tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</i>		
51.	Điều 32 Khoản 11 Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông		Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty	Điều 144 Khoản 3 LDN	
52.	Điều 34 Khoản 1 Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.	Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông <i>sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm)</i> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.	Điều 148 Khoản 2 LDN	
53.	Điều 34 Khoản 2 Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, cụ thể: d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;	2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, cụ thể: d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;		Xóa cụm từ “ <i>hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định</i> ”
54.	Điều 34 Khoản 3 Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội	<u>2. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo</u>	2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu		Xóa cụm từ “ <i>Trừ trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác</i> ”

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	đồng cổ đông	đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.	biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.		
55.	Điều 34 Khoản 5 Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> (Năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (<i>Năm mươi phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	Khoản 4 Điều 148 Khoản 4 LDN	
56.	Điều 35 Khoản 1 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản bất cứ lúc nào và bất kỳ nội dung nào <u>trừ các nội dung được quy định tại Khoản 1-Điều 144 Luật Doanh nghiệp</u> để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản bất cứ lúc nào và bất kỳ nội dung nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Điều 147 Khoản 2 và Điều 149 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
57.	Điều 35 Khoản 3 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>...</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</u></p> <p>...</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>...</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>*Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>...</p> <p>c) Họ, tên, <i>địa chỉ liên lạc</i>, quốc tịch, <i>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</i></p> <p>...</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p><i>4.</i> Hội đồng quản trị <i>tổ chức</i> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>*Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp</p>	Điều 149 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		<p>phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>a) Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>b) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (<i>mười lăm</i>) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>d) Các quyết định được thông qua theo</p>	<p>lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Các quyết định đã được thông qua và <i>tự lệ biểu quyết thông qua tương ứng</i>;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và <i>người kiểm phiếu</i>.</p> <p>e) Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>f) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (<i>mười lăm</i>) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>g) Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Các quyết định được thông qua theo</p>		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		
58.	Điều 36 Khoản 1 Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của Công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài</i>) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) <u>Chủ toạ và thư ký;</u></p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>g) <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>h) <u>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của Công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài</i>) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) <i>Họ, tên</i> Chủ toạ và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ <i>phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ,</i> tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông</p>	Điều 150 Khoản 1 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		<p>phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>dự họp;</p> <p>i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>		
59.	Điều 36 Khoản 3 Biên bản họp đại hội đồng cổ đông	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Khoản 3 Điều 150 LDN	
60.	Điều 37 Khoản 1 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định <u>Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các	Điều 151 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			trường hợp sau đây:		
61.	Điều 37 Khoản 1 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.	Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại <i>khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp</i>		
62.	Điều 38 Khoản 2 Điểm f Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>khoản 1 điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp;	f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <i>khoản 1 và khoản 2 điều 133</i> của Luật Doanh nghiệp;	Điều 153 Khoản 2 Điểm đ LDN	
63.	Điều 38 Khoản 2 Mục i Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không được áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>điểm d, khoản 2, Điều 135; khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp</u> ;	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không được áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch <i>quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp</i>		
64.	Điều 38 Khoản 4 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân với quyết định đó và phải đền bù thiệt	4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân với	Khoản 4 Điều 153 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, <u>cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm</u> có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, <i>cổ đông của Công ty</i> có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.		
65.	Điều 40 Khoản 1 Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị	Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của <u>khoản 2 điều 18 Luật Doanh nghiệp</u> .	Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của <i>khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</i>		
66.	Điều 40, khoản 4 Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị	4. Là <u>cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông</u> ; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất là 03 năm.	4. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất là 03 năm.		Luật Doanh nghiệp không có quy định về điều kiện “ <i>Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông</i> ”.
67.	Điều 41 Khoản 1 Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng Quản trị.	1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, <i>miễn nhiệm, bãi nhiệm</i> trong số thành viên Hội đồng Quản trị.	Điều 156 Khoản 1 LDN	
68.	Điều 41 Khoản 2 Chủ tịch Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; <u>triệu tập và chủ tọa</u> cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị;	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, <i>chủ trì và làm</i> chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua <i>ng nghị quyết</i> ,	Điều 156 Khoản 3 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện <u>các quyết định</u> của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch HĐQT và theo phân công của HĐQT, ĐHQĐ; g) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty. h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.	quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các <i>ngợi quyết</i> , quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch HĐQT và theo phân công của HĐQT, ĐHQĐ; g) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty. h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.		
69.	Điều 41 Khoản 3 Chủ tịch Hội đồng quản trị	3. Trường hợp <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt</u> thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền <u>hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo <u>nguyên tắc đa số quá bán</u> .	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt <i>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình</i> thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty</i> . Trường hợp không có người được ủy quyền <i>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</i> thì các thành	Điều 156 Khoản 4 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc <i>đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</i>		
70.	Điều 42 Khoản 7 Cuộc họp Hội đồng quản trị	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và <u>Giám đốc</u> như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát, <u>Giám đốc</u> nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điều 157 Khoản 7 LDN không có quy định về việc Giám đốc được nhận các tài liệu và tham dự họp HĐQT	
71.	Điều 43 Khoản 1 Biên bản họp Hội đồng quản trị	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu cần thiết</i>), có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u> b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) <u>Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp;</u> họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu cần thiết</i>), có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i> b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp <i>và cách thức dự họp;</i> họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;	Điều 158 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		<p>những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) <u>Các quyết định đã được thông qua;</u></p> <p>i) Chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Các quyết định đã được thông qua và <i>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p>i) Chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. <i>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực</i> Chủ tọa, người ghi biên bản và <i>những người ký tên trong biên bản</i> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>		
72.	Điều 45 Khoản 1 Điểm c Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>c) Có đơn xin từ chức;</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>c) Có đơn xin từ chức <i>và được chấp thuận;</i></p>	Điều 160 Khoản 1 Điểm b LDN	
73.	Điều 48 Khoản 1 Công khai các lợi ích liên quan	Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2014 và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;	Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định <i>tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020</i> và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;		
74.	Điều 49 Khoản 1		e) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám	Điều 165 Khoản 2	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
	Trách nhiệm của người quản lý Công ty		độc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.	LDN	
75.	Điều 50 Khoản 1 Điểm c Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	Doanh nghiệp quy định tại <u>khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp</u> và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.	<i>Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này</i>	Điều 167 Khoản 1 Điểm c LDN	
76.	Điều 50 Khoản 2 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật <u>phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.</u> Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, <u>kể từ ngày niêm yết</u> ; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, <i>kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch</i> ; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị	Điều 167 Khoản 2 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, <i>kể từ ngày nhận được thông báo</i> ; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.		
77.	Điều 50 Khoản 3 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (<i>sáu mươi lăm phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; <i>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</i> <i>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội</i>	Điều 167 Khoản 3 và 4 LDN	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
			dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (<i>sáu mươi lăm phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.		
78.	Điều 50 Khoản 4 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	4. Hợp đồng, giao dịch bị <u>vô hiệu</u> và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</u>	4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu <i>theo quyết định của Tòa án</i> và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại khoản 2 và 3 Điều này; <i>người ký kết hợp đồng</i> , giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Điều 167 Khoản 5 LDN	
79.	Điều 51 Khoản 1 Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát	Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông <u>bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín</u> . Người trúng cử vào Ban Kiểm soát là người có số phiếu bầu lấy từ cao xuống thấp, trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại đối với những người có số phiếu ngang nhau đó để chọn người có số phiếu cao hơn.	Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu, <i>bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm</i> . Người trúng cử vào Ban Kiểm soát là người có số phiếu bầu lấy từ cao xuống thấp, trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại đối với những người có số phiếu ngang nhau đó để chọn người có số phiếu cao hơn.		Điểm 1 khoản 2 Điều 24 Điều lệ quy định ĐHCĐ bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Điều 33 Dự thảo Điều lệ quy định “ <i>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng</i>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
					<i>hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản”.</i>
80.	Điều 53 Khoản 2 Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, <u>trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u>	2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, <i>tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của</i> công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Điều 170 Khoản 2 LDN	
81.	Điều 53 Khoản 3 Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	3. <u>Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.</u> <u>Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u>	3. Thẩm định <i>tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực</i> của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và <i>06 (sáu) tháng</i> của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị <i>và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông</i>	Điều 170 Khoản 3 LDN	
82.	Điều 53 Khoản 7 Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại <u>Điều 160 của Luật Doanh nghiệp</u> thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người	Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại <i>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</i> thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị,		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.		
83.	Điều 57 Khoản 1 Điểm a Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát	Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại <u>Điều 164 của Luật Doanh nghiệp</u> và Điều 52 Điều lệ này;	Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại <i>Điều 169 của Luật Doanh nghiệp</i> và Điều 52 Điều lệ này;		
84.	Điều 57 Khoản 1 Điểm c Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát	Có đơn xin từ chức	Có đơn xin từ chức <i>và được chấp thuận</i>	Điều 174 Khoản 1 Điểm b LDN	
85.	Điều 57 Khoản 2 Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát		Chuyển điểm b khoản 1 Điều 57 Dự thảo Điều lệ " <i>Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</i> " xuống khoản 2	Khoản 2 Điều 174 LDN	
86.	Điều 62 Quyết toán và kế hoạch tài chính	Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng (<i>bốn tháng</i>). Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (theo Điều 136 khoản 2 Luật Doanh nghiệp). Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.	Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 04 tháng (bốn tháng), theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng (<i>sáu tháng</i>), kể từ ngày kết thúc năm tài chính (<i>theo Điều 139 khoản 2 Luật Doanh nghiệp</i>) Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.		
87.	Điều 67 Khoản 3 Giải thể	Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo	Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện		

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành		Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Giải thích
	Điều khoản/Tên điều	Nội dung	Ý kiến sửa đổi, bổ sung (<i>phần in đậm và in nghiêng</i>)	Căn cứ pháp lý	
		Điều 201 và điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014.	theo Điều 207 và Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020 .		
88.	Điều 70 Khoản 2 Con dấu	Trước khi sử dụng con dấu, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan có thẩm quyền và công khai mẫu dấu theo đúng quy định của Pháp luật.	Bỏ khoản 2 Điều 70	Điều 43 LDN	
89.	Điều 73 Khoản 3 Công khai thông tin về Công ty cổ phần	Công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh <u>cấp tỉnh</u> nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba ngày sau khi có hoặc có thay đổi các thông tin về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.	Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài <u>và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</u>	Điều 176 Khoản 3 LDN	